

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/8/2022

V/v “*Tranh chấp về ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thẩm Văn Minh

Bà Hoàng Nữ Quyên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huy - Thư ký Toà án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tiên Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn V, xã Ng, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1978.

HKTT: Khu Đ, xã H, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N1 vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 27/02/2020. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N1 thường xuyên ghen tuông vô cớ, không tin tưởng chị, chị đã cố gắng giải thích nhưng anh N1 không hiểu, không thông cảm mà còn chửi, xúc phạm chị. Hiện nay vợ chồng đang sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng

trầm trọng, không thể trở về đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị xác nhận không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn N1 trình bày tại bản tự khai, ý kiến tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 27/02/2020. Trong cuộc sống không có gì mâu thuẫn lớn, chỉ là không hiểu nhau dẫn đến không tin tưởng nhau, cãi nhau vì vậy không có tiếng nói chung, chị N đã tự chuyển vào công ty sống, hiện nay vợ chồng đang sống ly thân. Anh đã động viên chị N về chung sống nhưng chị N không đồng ý. Nay chị Nguyễn Thị N xin ly hôn, anh xác định tình cảm vẫn còn, mong muốn trở về đoàn tụ nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh xác nhận không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân với đại diện UBND xã, Công an xã Ng, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc:

Anh Nguyễn Văn N1 và chị Nguyễn Thị N chung sống với nhau tại nhà chị N ở thôn Văn Trung có mâu thuẫn với nhau, chị N có trình bày bị chồng đánh thâm tím mặt nhiều lần, có báo cáo khu dân cư và công an xã. Nay chị N xin ly hôn anh N1, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

Đại diện Công an xã Ng cung cấp: Anh Nguyễn Văn N1 không đăng ký tạm trú tại xã Ng, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Công an xã cũng đã tiếp nhận trình báo của chị Nguyễn Thị N về việc vợ chồng chị N, anh N1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đề nghị Công an xã quan tâm giúp đỡ để đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của chị N.

4. Tại biên bản xác minh với đại diện nhà máy ấp gà, vịt L tại xã Ng, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc:

Ông Nguyễn Quang Lý cung cấp: Chị Nguyễn Thị N đang ở nhà tập thể của nhà máy được khoảng 02 tháng nay. Lý do chị N xin vào ở tập thể nhà máy là do anh Nguyễn Văn N1 là chồng bạo hành, dọa dẫm, đánh đập chị dẫn đến thâm tím mặt, mặt do vậy chị N sợ không dám về nhà chung sống với anh N1. Hiện nay anh N1 vẫn có hành vi đe dọa ảnh hưởng đến tâm lý, sức khỏe của chị N. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật để chị N ổn định cuộc sống và làm việc.

5. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tòa

án đã lập thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng, đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án, đề nghị hướng giải quyết như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn N1.

Về con chung; Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn N1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn”. Bị đơn anh Nguyễn Văn N1 cư trú tại xã H, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt, tuy nhiên chị đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn N1 vắng mặt nhiều lần không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn N1 và chị Nguyễn Thị N.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn N1 và chị Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện YL, tỉnh Phú Thọ, ngày 27/02/2020, đây là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn N1 và chị Nguyễn Thị N được đại diện khu dân cư và đại diện chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống cho biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh N1 và chị N do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N1 nhiều lần đánh đập chị N thâm tím mặt, mắt, đây là hành vi bạo lực gia đình làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần của chị N. Thấy rằng tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên việc chị Nguyễn Thị N xin ly hôn anh Nguyễn Văn N1 là có căn cứ, đúng thực tế theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy để đảm bảo quyền và lợi ích chị N, cần xét xử cho chị N được ly hôn anh N1.

[4] *Về con chung; Về tài sản chung, công nợ, công sức:* Chị N và anh N1 xác nhận không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn N1.

2. Về con chung; Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị N và anh N1 xác nhận không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Nguyễn Thị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0008502 ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Chị N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện YL;
- Chi cục THADS huyện YL;
- UBND xã H, huyện YL, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOA PHIÊN TOÀ**



Phạm Tuấn Anh